

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-PT

Ngày 28 - 01 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng;

Ông Lê Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 209/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Cao Thiện T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 107/2020/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Bị cáo có kháng cáo: Cao Thiện T (tên gọi khác: Bảy Mỡ), sinh năm 1979 tại huyện Phú T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp Hưng Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Phú T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Th (chết) và bà Đỗ Thị L; chung sống như vợ chồng với Đỗ Kim P, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 250, tổ 9, khóm Đông Bình, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. Nguyễn Thị Bảo Thu E, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 273, tổ 05, ấp Phú Thuận B, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Bảo Th1, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 273, tổ 05, ấp Phú Thuận B, xã Phú Lâm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. Đỗ Tấn Th2, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 69, đường Thủ Khoa Nghĩa, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Phạm Minh C, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 588/20, khóm Đông Thịnh 3, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 02/2019, Cao Thiện T quen biết với chị Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Thị Bảo Th1 E qua mạng xã hội Zalo. Trong thời gian quen biết, T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của những người này, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 19/02/2019, chị Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 64H1-269.48 từ tỉnh Vĩnh Long đến Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ gặp T và cả hai thuê khách sạn nghỉ qua đêm. Khoảng 07 giờ, ngày 20/02/2019, chị Th bảo T đưa chìa khóa xe mô tô cho chị Th về nhưng T không trả mà rủ chị Th đến thành phố Long Xuyên chơi. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô 64H1-269.48 chở chị Th đến quán cà phê Nguyễn H, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên uống nước cùng với anh Đỗ Thanh H (anh rể của T) và chị Nguyễn Thị Huyền Tr. Lúc này, T rủ anh H uống rượu nhưng anh H từ chối và hẹn T uống rượu vào buổi chiều. Sau đó, T điều khiển xe 64H1-269.48 chở chị Th, chị Tr điều khiển xe mô tô của chị Tr đến nhà anh H ở số 26, đường Dự Định, khóm Tây Khánh 4, phường Mỹ Hòa chờ anh H. Tại đây, chị Th yêu cầu T đưa chìa khóa xe để chị Th về nhà thì T nói dối là mượn xe đi mua gà nấu cháo và kêu chị Th ở nhà anh H chờ T. Khoảng 40 phút sau, T gọi điện thoại cho chị Th biết T đã cầm xe 64H1-269.48 và hứa đến chiều cùng ngày chị Cao Thị Lệ T1 (chị ruột của T là vợ anh H) sẽ chuộc xe trả cho chị Th rồi tắt điện thoại. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, anh H về nhà, chị Th cho anh H biết việc T cầm xe 64H1-269.48 của Th thì anh H bảo đó là việc riêng của chị Th và T. Chị Th ở nhà anh H đến 18 giờ cùng ngày thì đi xe ô tô khách về Vĩnh Long. Đến ngày 22/02/2019, chị Th đến Công an phường Mỹ Hòa tố giác hành vi trên của T.

Lần thứ hai: Ngày 11/6/2019, T đang làm thuê ở thành phố Cần Thơ thì biết chị Nguyễn Thị Bảo Thu E từ thành phố Long Xuyên đến thành phố Cần Thơ tập huấn nên rủ chị Thu E đi chơi và nghỉ khách sạn cùng với T. Đến ngày 12/6/2019, T nói dối đã mua xe mô tô nhãn hiệu Vision cho chị Thu E và Bảo Thu E về thành phố Long Xuyên nhận xe. Sau đó, chị Thu E điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus biển số 67N1-044.84, còn T điều khiển xe mô tô của T đi từ thành phố Cần Thơ về thành phố Long Xuyên. Trên đường đi, T bảo chị Thu E bán xe mô tô 67N1-044.84 nhưng chị Thu E không đồng ý, vì xe này là của chị Nguyễn Thị Bảo Th1 (chị ruột của Thu E) giao cho Thu E sử dụng. Khi đến phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, T bảo chị Thu E dừng lại trên vỉa hè đối diện siêu thị Megamarket. Lúc này, T gọi điện thoại cho anh Đỗ Tấn Th2 đến để bán xe của Thu E. Trong lúc chờ anh Th2 đến, T tiếp tục bảo chị Thu E bán xe nhưng chị Thu E không đồng ý thì T bảo T đã hứa giao xe cho anh Th2 để sửa. Khoảng 10 phút

sau, anh Th2 đến thì T gặp riêng anh Th2 để thỏa thuận bán xe mô tô 67N1-044.84 với giá 10.000.000 đồng nhưng anh Th2 bảo giao xe cho anh Th2 chạy thử. Khi anh Th2 điều khiển xe của Thu E đi thì T tiếp tục Bảo Th1 E bán xe này nhưng chị Thu E vẫn không đồng ý nên T nói dối là anh Th2 sẽ đưa tiền cho chị Thu E để làm tin, sau khi anh Th2 sửa xe xong T sẽ trả tiền và lấy lại xe thì chị Thu E đồng ý. Anh Th2 điều khiển xe mô tô của Thu E đến phường Mỹ Quý gặp anh Phạm Minh C để thỏa thuận và đồng ý mua xe với giá 7.200.000 đồng. Anh Th2 điều khiển xe mô tô 67N1-044.84 chở anh C đến khu vực trước siêu thị Megamarket, phường Mỹ Phước gặp T và chị Thu E. Đến đây, anh C đưa cho anh Th2 7.200.000 đồng. Anh Th2 thỏa thuận với T chỉ mua xe với giá 6.500.000 đồng thì T đồng ý bán và bảo đưa tiền cho chị Thu E và lấy giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của T chở chị Thu E đi thành phố Cần Thơ. Trên đường đi, T giả vờ gọi điện thoại cho anh Th2 và nói dối với chị Thu E là anh Th2 đã sửa xe xong, hiện xe đang để ở nhà T. Khi đến thành phố Cần Thơ, T bảo chị Thu E đưa 6.500.000 đồng cho T và T đã nhờ H điều khiển xe mô tô 67N1-044.84 đến thành phố Cần Thơ giao cho chị Thu E, tin thật nên chị Thu E đưa cho T số tiền này. Ngày 13/6/2019, chị Thu E thấy điện thoại của T có nhiều cuộc gọi nhờ của H nên bảo T gọi điện thoại cho H thì T nói dối do H không liên lạc được với T nên đã điều khiển xe mô tô 67N1-044.84 quay lại thành phố Long Xuyên. Ngày 15/6/2019, T điều khiển xe mô tô chở chị Thu E đến nhà trọ của chị Nguyễn Thị Bảo Th1 ở phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên nhưng không gặp nên T và chị Thu E nghỉ lại ở đây. Sáng ngày 16/6/2019, chị Th1 gọi điện thoại kêu chị Th1 E đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang tại phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc thăm người thân nên chị Thu E bảo T trả xe mô tô 67N1-044.84 thì T bảo để T điều khiển xe mô tô của T chở chị Thu E đi trước, còn bạn của T sẽ điều khiển xe mô tô 67N1-044.84 đến thành phố Châu Đốc giao cho chị Thu E. Khi đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang thì chỉ có chị Thu E vào, còn T ở ngoài. Khoảng 30 phút sau, chị Th1 hỏi chị Thu E xe mô tô 67N1-044.84 đâu nên chị Th1 E gọi điện thoại và nhắn tin Zalo bảo T giao xe thì T nói dối xe mô tô 67N1-044.84 bị bể bánh và bảo chị Th1 và Thu E chờ rồi T tắt điện thoại. Đến ngày 19/6/2019, chị Thu E đến Công an thành phố Long Xuyên tố giác hành vi trên của T.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus biển số 67N1-044.84 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Bảo Th1 do anh Phạm Minh C giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HTC màu trắng, có gắn thẻ nhớ do chị Nguyễn Thị Bảo Th E giao nộp.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 77/KL.HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, số 248/KL.HĐ ngày 21/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Long Xuyên, xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision Việt Nam, biển số 64H1-269.48 trị giá 34.699.500 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus Việt Nam, biển số 67N1-044.84 trị giá 10.637.880 đồng.

Tại Bản án số 107/2020/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt bị cáo Cao Thiện T 02 (hai) năm (06) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm

2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về trách nhiệm dân sự bị cáo Cao Thiện T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc Th 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) và bồi thường cho ông Đỗ Tấn Th2 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Ông Đỗ Tấn Th2 phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Minh C 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/11/2020, bị cáo Cao Thiện T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do mẹ già bị tai biến không có người chăm sóc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Cao Thiện T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngày 11/11/2020 là trong hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa về việc lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại để chiếm đoạt tài sản phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án, xác định, bị cáo Cao Thiện T đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối bằng thủ đoạn mượn xe mô tô biển số 64H1-269.48 của chị Th để đi mua đồ nhưng sau đó đem bán lấy tiền chơi đánh bạc; giả vờ hứa hẹn mua xe mô tô mới cho chị Thu E để yêu cầu chị Thu E bán xe mô tô biển số 67N1-044.84 là tài sản của chị Th1. Khi chị Thu E không đồng ý thì bị cáo giả vờ nói với Thu E giao xe cho người khác đi sửa nhưng sau đó thoả thuận bán xe mô tô cho Đỗ Tấn Th2 với giá 6.500.000 đồng và lừa dối Thu E chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision Việt Nam, biển số 64H1-269.48 trị giá 34.699.500 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus Việt Nam, biển số 67N1-044.84 trị giá 10.637.880 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên đối với bị cáo là có căn cứ. Do bị cáo khai báo thiếu thành khẩn, không thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Về mức hình phạt Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo 2 năm 6 tháng tù là phù hợp, nhằm bảo đảm tính giáo dục, răn đe và góp phần phòng ngừa tội phạm. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo vẫn khai báo quanh co, thể hiện sự thiếu thành khẩn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Quan điểm của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

3] Về án phí hình sự phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Thiện T về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2020/HS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tuyên bố: Bị cáo Cao Thiện T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Cao Thiện T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (25/6/2020).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Cao Thiện T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2020/HSST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân TP. Long Xuyên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Long Xuyên;
- Công an TP. Long Xuyên;
- Cơ quan thi hành án hình sự TP. Long Xuyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Long Xuyên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa Hình sự;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm